

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Bún

2. Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim D, sinh năm 1966 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Minh H, sinh năm 1962 (Có mặt).

Cả hai cùng trú tại: Số 11, đường V, khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 12 năm 2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Kim D trình bày: Do quen biết và được sự đồng ý của gia đình nên vào ngày 24/12/1991 bà và ông Dương Minh H tổ chức đám cưới và chính thức sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông H làm ăn và sinh sống tại khu phố 1, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Thời gian đầu bà và ông H sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 ông H đã nảy sinh tình cảm với người khác bên ngoài, bà rất nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H không chịu từ bỏ. Đến nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên quyết định xin ly hôn với ông H.

Trong quá trình sống chung bà và ông Hùng có 03 con chung: Dương Thị Mỹ D (nữ) sinh ngày 26/4/1995, Dương Lương D (nam) sinh ngày 09/12/1998 và Dương Minh H (nam) sinh ngày 26/11/2008 hiện nay đang chung sống với ông bà. Do D và D đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết, nếu ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Dương Minh H, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông Dương Minh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà và ông Dương Minh H không có nợ ai.

Bị đơn ông Dương Minh H trình bày: Ông thống nhất tất cả lời trình bày của bà D. Ông trình bày bổ sung: Hiện tại ông đã chấm dứt quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nên trước yêu cầu xin ly hôn của bà D ông không đồng ý với lý do còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông thống nhất có 03 con chung như bà D trình bày. Hiện Dương Thị Mỹ D và Dương Lương D đã trưởng thành. Riêng đối với Dương Minh H, nếu ly hôn, ông yêu cầu được giữ nuôi, không yêu cầu bà Dung cấp dưỡng nuôi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H thống nhất để bà D giữ nuôi con tên Dương Minh H, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Lương Thị Kim D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông và bà Lương Thị Kim D không có nợ ai.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa xét thấy:

Giữa bà Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa bà D và ông H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H là vợ chồng.

Về con chung: Giữa bà D và ông H có 03 con chung nhưng đối với cháu D và D đã trưởng thành nên không đề cập. Đối với cháu H sinh ngày 26/11/2008 thì tại bản tự khai cháu có nguyện vọng sống với mẹ nên có căn cứ giao cho bà D tiếp tục nuôi cháu H.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Không công nhận bà D và ông H là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Dương Minh H sinh ngày 26/11/2008 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 06/12/2019, bà Lương Thị Kim D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Dương Minh H. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông H cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lương Thị Kim D yêu cầu được ly hôn với ông Dương Minh H vì nhận thấy tình cảm giữa hai bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bị đơn ông Dương Minh H không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D, với lý do còn thương vợ, thương con.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà D và ông H được xác lập năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Điều 14 Luật hôn nhân năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Như vậy, Hội đồng xét xử xét có căn cứ không công nhận bà Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Giữa bà Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H thống nhất có 03 con chung là Dương Thị Mỹ D (nữ) sinh ngày 26/4/1995, Dương Lương D (nam) sinh ngày 09/12/1998 và Dương Minh H (nam) sinh ngày 26/11/2008. Cháu D và D đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Riêng cháu Dương Minh H, sinh ngày 26/11/2008, hiện đang sống với bà D và ông H, cháu có nguyện vọng theo sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa, bà D và ông H thỏa thuận thống nhất, nếu ly hôn, đồng ý để bà D tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Xét, sự thỏa thuận trên của bà D và ông H phù hợp với nguyện vọng của cháu H, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận. Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về nợ: Bà Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H xác định không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lương Thị Kim D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, 15, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Kim D.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị Kim D và ông Dương Minh H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Bà Lương Thị Kim D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Minh H (nam) sinh ngày 26/11/2008. Ông Dương Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Lương Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004678 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng. Bà D đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- CCTHADS Huyện.
- Các đương sự.
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Trọng Nhân